

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/DS-PT

Ngày: 30- 9-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022; tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện PT, bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2022/QĐPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Hồng O, sinh năm 1978; cư trú: ấp ML, thị Trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963; cư trú: ấp ML, thị Trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang; theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021 (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Lý Thị O1, sinh năm 1978 và Ngô Văn K, sinh năm 1968, cư trú: ấp ML, thị Trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Chí Tr, sinh năm 1973; cư trú: phường X, quận TB, Thành Phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

- Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1970 và Dương Thanh Tr, sinh năm 1978, cùng cư trú: ấp ML, thị Trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Ông Tô Thành Ngh, sinh năm 1994; cư trú: đường A, xã P, quận BC, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và lời khai tại phiên tòa thì ông Lê Hữu Đức đại diện theo ủy quyền cho bà Tô Thị Hồng O trình bày;

Bà Tô Thị Hồng O là chủ cơ sở mua bán cán chổi bông cỏ, có mua bán với vợ chồng bà Lý Thị O1, ông Ngô Văn K là cơ sở sản xuất chổi bông cỏ, nên từ đó hai bên có mua bán với nhau và vợ chồng ông K, bà O1 thường xuyên mua bán cán chổi bàn tay để làm chổi. Việc mua bán như sau:

- Bà O1, ông K điện thoại đặt hàng với chị O và có chở hàng giao đến nhà, có sổ giao nhận hàng. Từ trước năm 2019 giao hàng nhiều lần, nhưng mỗi lần đều thiếu lại 01 sổ, vì vậy vào ngày 02/11/2019 hai bên thống nhất kết toán nợ còn nợ 220.000.000đ, đến ngày 01/6/2020 chị O giao thêm, có trả 01 sổ, nhưng còn thiếu lại 51.200.000đ, tổng nợ là 271.200.000đ. bà O có ký tên giấy nợ. Việc mua bán và kết toán nợ có nhiều người trực tiếp chứng kiến như: Ông Dương Thanh Tr, Lê Văn Kh. Từ khi còn nợ 271.200.000đ đến nay có đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất thì ông Lê Hữu Ngh đại diện cho bà Lý Thị O1 và ông Ngô Văn K khai:

- Vợ, chồng ông Trần Chí Tr và bà Tô Thị Hồng O chuyên kinh doanh bán sỉ và lẻ cán chổi quét nhà. Vợ, chồng ông Ngô Văn K và bà Lý Thị O1 là đại lý mở cửa hàng bán lẻ lại cán chổi tại ấp ML, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. Khoảng năm 2016, ông K, bà O1 bắt đầu làm ăn nhận bỏ sỉ cán chổi của vợ chồng ông Tr, bà O với phương thức gởi đầu, tức khi nhận cán chổi sẽ ứng trước 01 phần, nợ lại 01 phần.

- Quá trình mua bán đến ngày 03/6/2019, đôi bên kết toán nợ thì ông K bà O1 còn nợ tổng cộng là 48.000.000đ và 23.200.000đ = 71.200.000đ, tuy nhiên lúc này khi kết toán nợ bằng miệng không làm giấy tờ.

- Đến ngày 01/6/2020, ông Tr, bà O có kêu ông Ngh đến gặp ông K bà O1 để yêu cầu trả tiền, lúc này ông K bà O1 có trả 20.000.000đ, ông Ngh viết ra tờ giấy yêu cầu ông K, bà O1 ký nhận nợ có nội dung:

48.000.000

23.200.000

Ngày 3/6

71.200.000

Ngày 01/6/ trả 20.000.000.

51.000.000đ

220.000.000 (21/1/2019)

Tổng 271.200.000

Do ông K, bà O chỉ nợ 71.200.000 đã được các bên thống nhất vào ngày 03/6/2019; sau đó trả được 20.000.000đ thì chỉ còn nợ lại 51.200.000đ, vì vậy bà O1 chỉ ký nhận ngay tại chỗ số tiền 51.200.000đ và không đồng ý ký nhận dưới vị trí “Tổng cộng 271.200.000đ”;

Như vậy ông K, bà O1 chỉ còn nợ lại số tiền 51.200.000đ và yêu cầu được trả dần, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn đề nghị Tòa án không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 271.200.000đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì ông Dương Thanh Tr khai Vợ chồng ông K, bà O1 có mua cán chổi của chị Tô Thị Hồng O và ông là người đem hàng đến giao cho ông K, bà O1, chứ không biết họ thiếu đủ tiền bạc như thế nào.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì ông Lê Văn Kh khai: Vợ, chồng ông K, bà O1 có mua cán chổi của chị Tô Thị Hồng O nhiều lần, mỗi lần mua đều do ông đem hàng đến giao cho vợ, chồng ông K, bà O và họ có trả được 01 số tiền và còn thiếu lại 01 số không nhớ bao nhiêu. Sau đó hai bên kết toán, ông không tham dự, sau khi kết toán do ông K, bà O1 không trả tiền nên chị O có đòi, đòi bên cự cãi nhau lúc này ông mới chứng kiến và mới biết số tiền còn thiếu là 271.200.000đ.

Theo văn bản ý kiến ngày 29/6/2021 thì anh Trần Chí Tr khai: Vợ anh là bà Tô Thị Hồng O, vào ngày 20/01/2021 có khởi kiện yêu cầu bà O1 và ông K trả nợ mua bán cán chổi bông cỏ và bàn tay để làm thành cây chổi bông cỏ, bà O1, ông K còn nợ 271.200.000đ, việc mua bán giữa vợ anh với ông K và bà O, anh không biết, anh không tham gia trực tiếp. Đồng thời việc kinh doanh mua bán là của vợ anh và số nợ mà bà O1 ông K còn thiếu là tài sản riêng của vợ anh, do đó anh đồng ý theo yêu cầu của vợ và anh không liên quan đến vụ án.

Hiện nay anh rất bận công việc khác và phải thường xuyên đi làm ăn xa nên không có thời gian tham gia, yêu cầu được vắng mặt các buổi ghi lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

Căn cứ: khoản 3, Điều 26; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 200; các khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 429; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Đình chỉ một phần đối với chị Tô Thị Hồng O về việc không yêu cầu bà Lý Thị O1 và ông Ngô Văn K phải trả tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Hồng O.

Buộc bà Lý Thị O1 và ông Ngô Văn K phải cùng chịu trách nhiệm trả cho chị Tô Thị Hồng O số tiền 271.200.000đ (Hai trăm, bảy mươi một triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn);

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn K và bà Lý Thị O1 phải chịu 13.560.000đ (Mười ba triệu, năm trăm, sáu mươi ngàn đồng chẵn);

Chị Tô Thị Hồng O không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 6.775.000đ (Sáu triệu, bảy trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0001819 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS ngày 06/01/2022 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PT; quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm nêu trên; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 51.200.000đ;

Ngày 29/12/2021, bị đơn ông K, bà O1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn có nghĩa vụ trả 51.200.000đ và xem lại tiền án phí phải chịu;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng cáo và quyết định kháng nghị; nguyên đơn cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm;

Bị đơn trong quá trình giải quyết trình bày, sau khi quyết toán kết sổ chỉ còn thiếu nguyên đơn 71.200.000đ; sau khi kết sổ xong có trả được 20.000.000đ, nên chỉ còn thiếu nguyên đơn 51.200.000đ;

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Phú Tân; đề nghị sửa án sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền 51.200.000đ;

Nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện PT và nội dung kháng cáo của bị đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện PT; chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm; tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu 51.200.000đ và chịu án phí theo luật định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông K, bà O1 kháng cáo trong hạn; Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PT kháng nghị hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Thủ tục ủy quyền và đơn xin vắng mặt của bị đơn hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thì thấy;

[3.1] Nội dung tranh chấp: Giữa 2 bên thừa nhận có giao dịch mua bán cán chổi, từ trước năm 2019 giao hàng nhiều lần, trả tiền theo phương thức gởi đầu từng đợt hàng giao nhận, thường mỗi lần đều thiếu lại một số tiền; đến ngày 01/6/2019 thì hai bên kết sổ lần sau cùng; còn thiếu lại 71.200.000đ; sau đó bị đơn trả thêm 20.000.000đ; nhưng sau đó có cộng thêm số tiền còn thiếu 220.000.000đ; tổng là 271.200.000đ; nguyên đơn căn cứ biên nhận chốt này để khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền còn thiếu là 271.200.000đ; bị đơn thừa nhận còn nợ 51.200.000đ và đồng ý trả; đối với số tiền 220.000.000đ cho rằng nguyên đơn tự thêm vào nên không đồng ý trả;

[3.2] Xét thấy, các đương sự thừa nhận có quan hệ làm ăn qua lại nhiều năm liền, hình thức mua bán và phương thức thanh toán trả tiền gởi đầu theo từng đợt giao hàng, được thể hiện qua sổ sách theo dõi của bên bán (Nguyên đơn); nay các bên chỉ chưa thống nhất số tiền còn thiếu 220.000.000đ thì thấy;

Tại phiên tòa, ông Ngh là em ruột bà Hồng O thừa nhận toàn bộ sổ sách theo dõi do ông viết ra và tại biên nhận chốt nợ ở trang cuối (cuốn sổ tay do nguyên đơn cung cấp), do ông Ngh viết trước khi đưa cho bà Lý Thị O1 ký tên cũng không nhìn thấy, mà sau khi ký rồi mới đưa lại cho ông Ngh mang về; ông Ngh cho biết số tiền 220.000.000 nợ từ năm 2017 chưa trả nhưng trong biên nhận chốt để ngày 02/11/2019 là có mâu thuẫn.

Theo phương thức bán gởi đầu thì mỗi lần chốt đơn hàng trong năm mua bán thì phải mang nợ cũ sang để chốt nợ lại; biên nhận do nguyên đơn cung cấp thể hiện sau khi chốt 71.200.000đ, thì bị đơn trả được 20.000.000đ; nên mới ký tên bên dưới còn 51.200.000đ và chữ ký tên của bà Lý Thị O1 có gạch ngang chữ ký; nên không thừa nhận nợ 220.000.000đ mà do nguyên đơn ghi thêm vào; ngoài biên nhận chốt nợ này ra, phía nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để chứng minh phía bị đơn còn nợ lại số tiền 220.000.000đ mua hàng từ năm 2017 mang sang. Do đó, biên nhận thể hiện bị đơn còn nợ 51.200.000đ và bị đơn cũng thống nhất số nợ này nên có cơ sở xác định số tiền chốt do bị đơn ký là 51.200.000đ;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Hồng O không lý giải vì sao từ năm 2017 đến khi chốt nợ vẫn còn nợ 220.000.000đ bị đơn

chưa trả, mà các lần mua hàng sau vẫn lấy hàng và trả tiền theo hình thức gói đầu bình thường cho đến khi xảy ra tranh chấp; nên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 220.000.000đ; không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét; Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện PT và yêu cầu kháng cáo của bị đơn có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận; sửa án sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn 51.200.000đ;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 11.000.000đ; bị đơn phải chịu 2.560.000đ;

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà O1, ông K không phải chịu án phí phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 429; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn K, bà Lý Thị O1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2021/DSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 220.000.000đ;

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc không yêu cầu bà Lý Thị O1 và ông Ngô Văn K phải trả tiền lãi suất;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Hồng O;

Buộc bà Lý Thị O1 và ông Ngô Văn K phải cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Tô Thị Hồng O số tiền 51.200.000đ (Năm mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Tô Thị Hồng O phải chịu 11.000.000đ (Mười một triệu đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 6.775.000đ (Sáu triệu, bảy trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0001819 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Bà Hồng O còn phải nộp thêm số tiền 4.225.000đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Ông Ngô Văn K, bà Lý Thị O1 phải chịu phải 2.560.000đ (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn K, bà Lý Thị O1 nhận lại 600.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004255 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT;

Các phần khác của Quyết định Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên, có hiệu lực pháp luật;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn